

Bản án số: 300/2024/DS-PT
Ngày: 13 tháng 12 năm 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hiệp Phong.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Phước Hưng; ông Đào Chí Keo.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Dương Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2024/TLPT-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: số D, tổ A, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 18/01/2007; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/9/2010; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu D, Đ: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (cha mẹ đẻ của D, Đ) (có mặt).

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A, trụ sở: Số H T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị T trình bày, nguồn gốc đất là của bà T cùng chồng là ông Nguyễn Văn B nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Đ1 với diện tích 310m². Sau đó, vợ chồng bà T, ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 257,6m², loại đất ở tại nông thôn, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 15, tọa lạc ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số H02049aB ngày 16/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Năm 2014, ông B chết, bà T kê khai, được cấp lại cùng diện tích 257,6m², loại đất, số thửa, tờ bản đồ, theo giấy chứng nhận số CS12991 ngày 05/5/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp.

Cách đây khoảng 20 năm, vợ chồng bà T, ông B có cho bà Nguyễn Thị C cất nhà ở nhờ trên đất, diện tích ngang 4,6m dài 09m cho đến khi nào bà C chết thì trả lại đất cho vợ chồng bà T, ông B. Do thấy phần đất của vợ chồng bà T, ông B được cấp giấy chứng nhận bị thiếu so với tờ mua bán đất với bà Đ1 nên bà T có yêu cầu đo đạc, phục hồi ranh đất. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T1 không chịu mở cửa nhà cho đoàn đo đạc tiến hành đo đạc. Từ đó, bà T phát sinh tranh chấp. Vì vậy, bà T yêu cầu ông T1 tháo dỡ căn nhà trả lại cho bà T diện tích 41,4m² (ngang 4,6m dài 09m), tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 15, diện tích 157,6m² theo giấy chứng nhận số CS12991 ngày 05/5/2023 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà T.

Ngày 09/9/2024, bà T xác định yêu cầu ông T1 tháo dỡ một phần căn nhà, trả lại cho bà T diện tích 27,2m² đất thuộc quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế. Đồng thời, bà T rút lại một phần khởi kiện đối với yêu cầu ông T1 trả lại quyền sử dụng diện tích 14,2m² đất theo đơn khởi kiện ban đầu.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày, nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn L chết năm 1993, cụ Trần Thị H chết năm 1975 (là cha mẹ của bà Nguyễn Thị C chết năm 2023 và là ông bà ngoại của ông T1). Bà C có hai người con gồm ông T1, bà T2. Sau khi cụ L, cụ H chết, có để lại cho bà C tiếp tục quản lý, sử dụng và hiện tại ông T1 đang trực tiếp sử dụng, với diện tích 49,5m² (ngang 4,5m dài 11m). Việc bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có sự đồng ý của gia đình ông T1, cũng như chưa ký tứ cận.

Vì vậy, ông T1 không chấp nhận yêu cầu của bà T về tháo dỡ nhà trả lại đất. Đồng thời, ông T1 có yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận số CS12991 ngày 05/5/2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà T.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T2 trình bày, nguồn gốc đất có căn nhà của bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ của bà T2), cũng như có căn nhà của vợ chồng bà T do cụ L, cụ H (là ông bà ngoại của bà T2) để lại. Phần đất này, cụ L nhận chuyển nhượng của bà T3 (là em ruột của cụ L). Khi còn sống, cụ L cất nhà tre trên đất đó, do già yếu nên bà C trở về sống chung nhà với cụ L để chăm sóc.

Sau khi cụ L chết, bà C cất nhà trên đất đó vào khoảng năm 2004, có hiện trạng như bây giờ. Còn phần nhà tre của cụ L đã bị vợ chồng bà T, ông B dỡ, cất lại nhà mới có hiện trạng như bây giờ, để vợ chồng bà T, ông B ở. Vì vậy, bà T2 không chấp nhận tháo dỡ do nhà của bà C cất, ở đã lâu.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị M trình bày, bà M thống nhất theo ý kiến của ông T1.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A trình bày, khu đất có diện tích 257,6m² đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã K, huyện C, tỉnh An Giang do hộ ông B, bà T quản lý, sử dụng theo giấy chứng nhận số H02049aB ngày 16/4/2007 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Ngày 04/5/2022, bà T có đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận do bị mất và lập thủ tục thừa kế theo quy định do ông B chết năm 2014.

Ngày 06/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A ban hành Quyết định số 211/QĐ-STNMT về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02049aB ngày 16/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B, bà Huỳnh Thị T.

Ngày 05/5/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp lại giấy chứng nhận số phát hành DK 951931, số vào sổ CS12991 cho bà T trên cơ sở thỏa thuận của những người thừa kế của ông B về phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất trên.

Căn cứ Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A có thẩm quyền cấp mới giấy chứng nhận. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 về yêu cầu tháo dỡ một phần căn nhà, trả lại quyền sử dụng đất,

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Đặng Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng T2 và các trẻ Nguyễn Minh D1, Nguyễn Thành Đ (do ông T1, bà M đại diện) có trách nhiệm liên đới tháo dỡ một phần căn nhà có kết cấu: nền đôn cao, lót gạch tàu, khung gỗ, vách tole, mái lợp tole gắn liền với nhà bếp và gian nhà bếp có

kết cấu sàn lót đal, chưa có nhà vệ sinh, trả lại quyền sử dụng diện tích 27,2m² đất ở tại các điểm 25, 26, 5, 30, tọa lạc xã K, huyện C, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận số CS12991 ngày 05/5/2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà T theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C1 lập ngày 10/01/2024.

1.2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà T, buộc bà T có trách nhiệm hỗ trợ cho ông T1 số tiền 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện của bà T về yêu cầu ông T1 trả lại phần diện tích 14,2m² đất ở, nếu có tranh chấp thì có quyền thỏa thuận, khởi kiện lại phần đã rút yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 02/10/2024 và ngày 09/10/2024, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số: 158/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T rút lại một phần yêu cầu kháng cáo về giảm số tiền hỗ trợ di dời nhà, đồng ý hỗ trợ cho bị đơn 35.000.000 đồng như quyết định của bản án sơ thẩm; giữ nguyên yêu cầu tháo dỡ toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất; yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 100.000.000 đồng do tổn thất tinh thần và thu nhập trong suốt thời gian vụ kiện kéo dài.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1 về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12991 ngày 05/5/2023, diện tích 257.6m² đất ở do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng

cáo của bà Huỳnh Thị T; ông Nguyễn Văn T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về án phí. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 làm đơn kháng cáo đúng theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà T2 và đại diện Sở T có đề nghị Toà án xét xử vắng mặt và sự vắng mặt của họ không cản trở việc xét xử nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận số H02049aB ngày 16/4/2007 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà T, ông B đã nêu trên thì thấy, tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 10/6/2004 ghi nhận nguồn gốc: “*sử dụng ổn định từ năm 1980*”, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K với nội dung: “*cha mẹ cho sử dụng năm 1980*”. Ngoài ra, phần đất đã được đo đạc theo biên bản xác định ranh giới mốc giới khu đất ngày 20/4/2004 thể hiện các đường ranh đất đều ghi nhận là đất trống, không thể hiện có nhà của bà C.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 cho rằng nguồn gốc đất là của ông bà ngoại (cụ L, cụ H) cho mẹ ông là bà C cất nhà ở nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông T1, bà M, bà T2 và cháu D1, cháu Đ di dời một phần căn nhà (kết cấu nền đôn cao, lót gạch tàu, khung gỗ, vách tole) trả lại diện tích đất 27,2m² cho bà T là có căn cứ và đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bà T rút lại phần yêu cầu giảm số tiền hỗ trợ di dời, đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho ông T1 số tiền 35.000.000 đồng để tháo dỡ nhà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Tại phiên tòa bà T yêu cầu tháo dỡ toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất để trả lại đất cho bà sử dụng. Xét, trong phần đất gắn liền với căn nhà đang tranh chấp có phần diện tích đất 14,2m² nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn N và bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất này. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét khác.

[3.3] Đối với yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 100.000.000 đồng do tổn thất tinh thần và thu nhập trong suốt thời gian vụ kiện kéo dài. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, nên Hội đồng xét xử không thể xem xét, giải quyết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, ông T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí:

Tại phiên tòa sơ thẩm, yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận và bà T tự nguyện hỗ trợ ông T1 số tiền 35.000.000đ di dời nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T.

Bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Nguyễn Văn T1 về yêu cầu tháo dỡ một phần căn nhà, trả lại quyền sử dụng đất,

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Đặng Thị M, bà Nguyễn Thị Hồng T2 và các trẻ Nguyễn Minh D1, Nguyễn Thành Đ (do ông T1, bà M đại diện) có trách nhiệm liên đới tháo dỡ một phần căn nhà có kết cấu: nền đôn cao, lót gạch tàu, khung gỗ, vách tole, mái lợp tole gắn liền với nhà bếp và gian nhà bếp có kết cấu sàn lót đá, chưa có nhà vệ sinh, trả lại quyền sử dụng diện tích 27,2m² đất ở tại các điểm 25, 26, 5, 30, tọa lạc xã K, huyện C, tỉnh An Giang thuộc giấy chứng nhận số CS12991 ngày 05/5/2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh A cấp cho bà T theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C1 lập ngày 10/01/2024.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc hỗ trợ cho ông T1 di dời phần nhà trả lại đất cho bà T sử dụng với số tiền 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với phần khởi kiện của bà T về yêu cầu ông T1 trả lại phần diện tích 14,2m² đất ở, nếu có tranh chấp thì có quyền thỏa thuận, khởi kiện lại phần đã rút yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng, án phí:

Về chi phí tố tụng: ông T1 phải trả lại cho bà T 3.185.720 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp theo danh sách chi ngày 05 tháng 12 năm 2023, hóa đơn ngày 15 tháng 01 năm 2024.

Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0023297 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới; bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014030 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

- Ông T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013270 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- CCTHADS huyện Chợ Mới ;
- Phòng KTNV&THA tỉnh AG
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TX.Tĩnh
Biên;
- Chi cục THA-DS TX.Tĩnh Biên;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

Lại Hiệp Phong